

MÔN: LỊCH SỬ  
TIẾT 32: KINH THÀNH HUẾ

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** Mô tả được đôi nét về kinh thành Huế:

Với công sức với hàng chục triệu vạn dân và lính sau hàng chục năm xây dựng và tu bổ, kinh thành Huế được xây dựng bên bờ sông Hương, đây là toà thành đồ sộ và đẹp nhất nước ta thời đó

**2. Kỹ năng:** Sơ đồ về cấu trúc về kinh thành: thành 10 của chính ra, vào, nằm gi ữa kinh thành là Hoàng thành; các lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn. Năm 1993, Huế được công nhận là di sản Văn hoá thế giới.

**3. Thái độ:** Giữ gìn nét đẹp của kinh thành Huế, của quê hương đất nước.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:**

- Hình trong sgk phóng to.
- Phiếu học tập của hs.

**2. Học sinh:** SGK, VBT.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

| Hoạt động dạy của Giáo viên  | Hoạt động học của Học sinh  |
|--|---|
| <p><b>Khởi động: Nhà nông ra đồng (2')</b></p> <p><b>Hoạt động 1: Nhà lịch sử nhỏ tuổi (3')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Cùng cô bài Nhà Nguyễn thành lập</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1) Nhà Nguyễn ra đời trong hoàn cảnh nào?</li><li>2) Điều gì cho thấy các vua nhà Nguyễn không chịu chia sẻ quyền hành cho bất cứ ai và kiên quyết bảo vệ ngai vàng của mình?</li></ol> <p>- Nhận xét.</p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> Sau khi lật đổ triều đại Tây Sơn, nhà Nguyễn được thành lập và chọn Huế làm kinh đô. Nhà Nguyễn đã xây dựng Huế thành một kinh thành đẹp, độc đáo bên bờ Hương Giang. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về di tích lịch sử này.</p> <p><b>Hoạt động 2: Quá trình xây dựng Kinh thành Huế (15')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Mô tả được đôi nét về kinh thành Huế</p> | <p>- 2 hs trả lời</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1) Năm 1802, Nguyễn Ánh lật đổ triều Tây Sơn, lập nên triều Nguyễn.</li><li>2) Các vua nhà Nguyễn không đặt ngôi hoàng hậu, bỏ chức tể tướng, tự mình trực tiếp điều hành mọi việc hệ trọng. Ngoài ra nhà Nguyễn còn ban hành một bộ luật mới gọi là bộ luật Gia Long. Bộ luật Gia Long bảo vệ quyền hành tuyệt đối của nhà vua. Điều này cho thấy các vua nhà Nguyễn kiên quyết bảo vệ ngai vàng của mình.</li></ol> <p>- HS lắng nghe</p> |

|   |   |
|---|---|
| <p><b><u>Cách tiến hành:</u></b><br/>- Gọi 1 hs đọc to đoạn “Nhà Nguyễn....Các công trình kiến trúc”<br/>- Y/c hs mô tả về kinh thành Huế</p> <p><b>Kết luận:</b> Kinh thành Huế do Nguyễn Ánh khởi xướng, dân và quân lính kĩ công xây dựng. Đây là kinh thành đồ sộ và đẹp nhất nước ta thời Nguyễn.</p> <p><b><u>Hoạt động 3: Vẽ đẹp của Kinh thành Huế. (17’)</u></b></p> <p><b><u>Mục tiêu:</u></b> HS cảm nhận được vẻ đẹp của Kinh thành Huế.</p> <p><b><u>Cách tiến hành:</u></b><br/>- YC HS quan sát hình 1 SGK / 67 .Thảo luận nhóm đôi tìm hiểu về nét đẹp của kinh thành Huế</p> <p><b>Kết luận :</b> Kinh thành Huế là một công trình sáng tạo của nhân dân ta. Ngày 11-12 – 1993, UNESCO đã công nhận Huế là một di sản Văn hoá thế giới.</p> <p><b><u>Hoạt động nối tiếp: Củng cố dặn dò: (2’)</u></b><br/>- 1 hs đọc lại ghi nhớ<br/>- Bài sau: Ôn tập<br/>- Nhận xét tiết học</p> | <p>- 1 hs đọc, cả lớp đọc thầm</p> <p>- Vài hs mô tả sơ lược quá trình xây dựng kinh thành Huế theo thông tin trong SGK</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận theo cặp</p> <p>- HS trình bày</p> <p>Cửa chính vào Hoàng thành gọi là Ngọ Môn. Tiếp đến là hồ sen, ven hồ là làng cây đại. Một chiếc cầu bắc qua hồ dẫn đến điện Thái Hoà nguy nga tráng lệ. Điện Thái Hoà là nơi tổ chức các cuộc lễ lớn. Quanh năm điện Thái Hoà là hệ thống cung điện dành riêng cho vua và hoàng tộc.</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Vài hs đọc to trước lớp</p> |
|---|---|

Nhận xét – rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

MÔN: CHÍNH TẢ ( Nghe - viết)  
TIẾT 32: VƯƠNG QUỐC VẮNG NỤ CƯỜI

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** Làm đúng bài tập chính tả phương ngữ (2) a / b.  
**2. Kỹ năng:** Nghe - viết đúng bài chính tả; biết trình bày đúng đoạn văn trích.  
**3. Thái độ:** Rèn chữ, giữ vở.

**II. Chuẩn bị:**

- 1. Giáo viên:** Một số tờ phiếu viết nội dung BT 2a.  
**2. Học sinh:** Bảng con, VBT.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

| Hoạt động dạy của Giáo viên  | Hoạt động học của Học sinh   |
|--|--|
| <p><b>Khởi động: Con muỗi (2')</b></p> <p><b>Hoạt động 1: Thi viết chính tả (3')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Củng cố bài Nghe lời chim nói</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p>YC hs viết bảng con: bận rộn, ngỡ ngàng, thiết tha</p> <p>- Nhận xét</p> <p><b>Giới thiệu bài:</b> Tiết chính tả hôm nay chúng ta viết bài Vương quốc vắng nụ cười.</p> <p><b>Hoạt động 2: Hướng dẫn nghe – viết. (23-25')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Nghe - viết đúng bài chính tả; biết trình bày đúng đoạn văn trích.</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p>- GV đọc bài</p> <p>- YC hs tìm những từ ngữ dễ viết sai</p> <p>- HD hs phân tích và lần lượt viết B : rầu rĩ, nhộn nhịp, kinh khủng, lạo xạo</p> <p>- Y/c 1 hs nhắc lại cách trình bày</p> <p>- Trong khi viết chính tả, các em chú ý điều gì?</p> <p>- GV đọc bài cho hs viết</p> <p>- Gv đọc bài</p> <p>- GV kiểm tra vở</p> <p>- Nhận xét chung.</p> <p><b>Hoạt động 3: Hướng dẫn hs làm BT chính tả (9-10')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p><b>Bài 2 a:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài, gv chia lớp thành 3 dãy, mỗi dãy cử 3 bạn lên bảng chơi trò chơi tiếp sức.</p> | <p>Hát vận động</p> <p>- hs viết bảng con</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Lắng nghe và theo dõi trong SGK</p> <p>- 1 hs đọc bài</p> <p>- Hs rút ra từ khó theo sự suy nghĩ của các em</p> <p>- HS phân tích từ khó và viết B</p> <p>- 2 hs đọc lại</p> <p>- Viết lùi vào 2 ô, viết hoa danh từ riêng, đầu câu, sau dấu chấm</p> <p>- Lắng nghe, viết bài, kiểm tra sau khi viết</p> <p>- Viết bài</p> <p>- soát lại bài</p> <p>- Đổi chéo vở cho nhau soát lỗi</p> <p>- 1 hs đọc đề bài</p> <p>- HS lên bảng chơi trò chơi tiếp sức vì sao, năm sau, xử sở, gắng sức, xin lỗi,</p> |

|   |   |
|---|---|
| <p>- Nhận xét tuyên dương nhóm thắng cuộc</p> <p><b><u>Hoạt động nối tiếp: Củng cố dẫn dò (2')</u></b></p> <p>- Về nhà sửa lỗi, kể cho người thân nghe câu chuyện vui Chúc mừng năm mới.</p> <p>- Bài sau: Nhớ viết: Ngắm trăng-Không đề</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> | <p><i>sự</i> chậm trễ.</p><br><br><br><br><p>- Lắng nghe, thực hiện</p> |
|---|---|

Nhận xét – rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

**MÔN: TOÁN**

**TIẾT 157: ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (Tiếp theo)**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** Tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ. Thực hiện được bốn phép tính với số tự nhiên.

**2. Kỹ năng:** Biết giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.

**3. Thái độ:** Yêu thích môn học, học tập nghiêm túc.

Bài tập cần làm bài 1 và bài 2, bài 4 và **bài 3\***

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, sgv

**2. Học sinh:** Bảng con, SGK

**III. Các hoạt động dạy - học:**

| Hoạt động dạy của Giáo viên   | Hoạt động học của Học sinh   |
|---|--|
| <p><b><u>Khởi động: Minh ngòi bên nhau (2')</u></b><br/> <b><u>Hoạt động 1: Cùng ôn bài (3')</u></b><br/> <b><u>Mục tiêu:</u></b> Củng cố bài học tiết trước<br/> <b><u>Cách tiến hành:</u></b><br/>                     1 hs sửa bài tập 4/ 163<br/>                     - Đề so sánh hai biểu thức với nhau trước hết chúng ta phải làm gì ?<br/>                     - Nhận xét</p> <p><b><u>Giới thiệu bài:</u></b> Trong giờ học toán hôm nay chúng ta cùng ôn tập về phép nhân, phép chia các STN.</p> <p><b><u>Hoạt động 2: Thực hành (32')</u></b><br/> <b><u>Mục tiêu:</u></b><br/> <b><u>Cách tiến hành:</u></b><br/> <b>Bài 1:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài<br/>                     - YC hs làm bài vào bảng con</p> <p><b>Bài 2:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài, YC hs làm bài vào nháp, 4 hs lên bảng sửa bài.<br/>                     - Nhận xét chốt lại lời giải đúng</p> | <p>- Chúng ta phải tính giá trị biểu thức, sau đó so sánh các giá trị với nhau và chọn dấu so sánh phù hợp.<br/> <math>257 &gt; 8762 \times 0</math><br/> <math>320 : (16 \times 2) = 230 : 16 : 2</math><br/> <math>15 \times 8 \times 38 = 37 \times 15 \times 8</math><br/>                     - HS lắng nghe</p> <p>- 1 hs đọc đề bài<br/>                     - Thực hiện B<br/>                     a. Nếu <math>m = 952</math>, <math>n = 28</math> thì <math>m + n = 952 + 28 = 980</math><br/> <math>m - n = 952 - 28 = 924</math><br/> <math>m \times n = 952 \times 28 = 26656</math><br/> <math>m : n = 952 : 28 = 34</math></p> <p>- 1 hs đọc đề bài<br/>                     - làm bài vào nháp<br/>                     - 4 hs lên bảng sửa bài<br/>                     a. 147 ; 1814</p> |

|   |   |
|---|---|
| <p><b>*Bài 3:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài, hs thảo luận theo cặp, 2 nhóm hs làm việc trên phiếu.<br/>- Nhận xét chốt lại lời giải đúng</p> <p><b>Bài 4 :</b> Gọi 1 hs đọc đề bài<br/>- Bài toán y/c chúng ta tìm gì ?</p> <p>- Để biết được trong hai tuần đó trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải chúng ta phải biết được gì ?</p> <p><b><u>Hoạt động nối tiếp: củng cố dặn dò (2')</u></b><br/>- Về nhà xem lại bài<br/>- Bài sau: Ôn tập về biểu đồ<br/>- Nhận xét tiết học</p> | <p>b. 529 ; 175<br/>*- 1 hs đọc đề bài<br/>- Thảo luận theo cặp<br/>- 1 nhóm trình bày kết quả<br/>a. 3600, 48 ; 3280<br/>b. 3240; 21 500 ; 1280<br/>- 1 hs đọc đề bài<br/>- Trong hai tuần, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?<br/>+ Tổng số mét vải bán trong hai tuần<br/>+ Tổng số ngày mở cửa bán hàng của hai tuần.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Tuần sau cửa hàng bán được số mét vải là:<br/><math>319 + 76 = 395(m)</math><br/>Cả hai tuần cửa hàng bán được số mét vải là :<br/><math>319 + 359 = 714(m)</math><br/>Số ngày cửa hàng mở cửa trong hai tuần là:<br/><math>7 \times 2 = 14(\text{ngày})</math><br/>Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số mét vải là:<br/><math>714 : 14 = 51(m)</math><br/>Đáp số : 51 m</p> |
|---|---|

Nhận xét – rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....

MÔN: LUYỆN TỪ VÀ CÂU  
TIẾT 63: THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN CHO CÂU

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (trả lời câu hỏi Bao giờ? Khi nào? Máy giờ? – Nội dung ghi nhớ)
- 2. Kỹ năng:** Nhận diện được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ cho trước vào chỗ thích hợp vào đoạn văn a hoặc đoạn văn b ở bài tập 2.
- 3. Thái độ:** Giáo dục HS yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

**1. Giáo viên:**

- Bảng phụ viết sẵn các câu văn ở BT1
- Phiếu học tập viết BT 3,4

**2. Học sinh:** SGK, VBT.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

| Hoạt động dạy của Giáo viên   | Hoạt động học của Học sinh  |
|---|---|
| <p><b>Khởi động: Cốc cốc (2')</b></p> <p><b>Hoạt động 1: Bông hoa chăm học (3')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Củng cố bài học tiết trước.</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <p>1 hs nhắc lại ghi nhớ thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lấy Vd về trạng ngữ chỉ nơi chốn</li><li>- Nhận xét</li></ul> <p><b>Giới thiệu bài:</b> Tiết LTVC hôm nay chúng ta học bài Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu</p> <p><b>Hoạt động 2: Tìm hiểu bài (Phần phần xét) (12-15')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (trả lời câu hỏi Bao giờ? Khi nào? Máy giờ? – Nội dung ghi nhớ)</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi 1 hs đọc BT 1, tìm trạng ngữ cho câu</li><li>- Trạng ngữ vừa tìm được bổ sung ý nghĩa gì cho câu ?</li><li>- Đặt câu hỏi cho loại trạng ngữ</li><li>- Để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu trong câu, chúng ta làm gì ?</li><li>- Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho các câu hỏi nào ?</li></ul> <p><b>Kết luận:</b> Ghi nhớ SGK</p> <p><b>Hoạt động 3: Luyện tập (18-20')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Nhận diện được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (BT1, mục III); bước đầu biết thêm trạng ngữ cho trước vào chỗ thích hợp</p> | <p>Hát vận động</p> <p>- 1 hs nhắc lại</p> <p>-lắng nghe</p> <p>- Đúng lúc</p> <p>- Bổ sung ý nghĩa thời gian cho câu</p> <p>- Viên thị vệ hốt hải chạy vào khi nào ?</p> <p>- Ta có thể thêm vào câu những trạng ngữ chỉ thời gian.</p> <p>- Bao giờ?,khi nào?, mấy giờ ?</p> <p>- Lắng nghe và nhắc lại</p> |

|  |   |
|--|---|
| <p>vào đoạn văn a hoặc đoạn văn b ở bài tập 2.</p> <p><b><u>Cách tiến hành:</u></b></p> <p><b>Bài 1:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- YC hs làm bài vào VBT, 2 hs làm việc trên phiếu,</li><li>- Nhận xét chốt lại lời giải đúng</li></ul><br><p><b>Bài 2:</b> Gọi 1 hs đọc đề bài , hs làm bài vào VBT</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Treo bảng phụ, 2 hs lên bảng làm bài.</li><li>- Nhận xét chốt lại lời giải đúng</li></ul><br><p><b><u>Hoạt động nối tiếp: Củng cố dẫn dò (2')</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi hs nhắc lại ghi nhớ</li><li>- Về học thuộc nội dung cần ghi nhớ</li><li>- Bài sau: Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu</li><li>- Nhận xét tiết học</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 hs đọc đề bài</li><li>- hs làm bài vào VBT</li><li>- 2 hs làm việc trên phiếu trình bày kết quả</li></ul> <p>a. Buổi sáng hôm nay, vừa mới ngày hôm qua, qua một đêm mưa rào</p> <p>b. Từ ngày còn ít tuổi, mỗi lần đứng trước những cái tranh làng Hồ giải trên các lễ phở Hà Nội.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 hs đọc đề bài</li><li>- làm bài vào VBT</li><li>- 2 hs lên bảng sửa bài</li></ul> <p>a. Mùa đông, cây chỉ còn cành trơ trụi...<br/>Đến ngày đến tháng, cây lại nở .....</p> <p>b. Giữa lúc gió đang gào thét ấy, cánh chim đại bàng....<br/>Có lúc chim lại vỗ cánh,.....</p><br><ul style="list-style-type: none"><li>-Hs đọc</li><li>-Hs nghe</li></ul> |
|--|---|

Nhận xét – rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

.....



MÔN: KHOA HỌC  
TIẾT 63: ĐỘNG VẬT ĂN GÌ ĐỂ SỐNG ?

**I. Mục tiêu:**

- 1. Kiến thức:** Kể tên một số động vật và thức ăn của chúng.
- 2. Kỹ năng:** HS nhớ lại những đặc điểm chính của con vật đã học và thức ăn của nó
- 3. Thái độ:** Yêu thích môn học.

**II. Chuẩn bị:**

- 1. Giáo viên:** Hình trang 126, 127 SGK
- 2. Học sinh:** Suu tầm tranh ảnh những con vật ăn các loại thức ăn khác nhau.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

| Hoạt động dạy của Giáo viên  | Hoạt động học của Học sinh  |
|--|---|
| <p><b>Khởi động: Vỗ cái tay lên đi (2')</b></p> <p><b>Hoạt động 1: Ai nhớ bài giỏi (3')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Cùng cố bài Động vật cần gì để sống?</p> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Động vật cần gì để sống ?<br/>Nhận xét.</li></ul> <p><b>Giới thiệu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thức ăn của động vật là gì ?</li></ul> <p>-Gv: Giới thiệu bài: Để biết xem mỗi loài động vật có nhu cầu về thức ăn như thế nào, chúng ta cùng học bài hôm nay.</p> <p><b>Hoạt động 2: Tìm hiểu nhu cầu thức ăn của các loài động vật khác nhau (15')</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b> Phân loại động vật theo thức ăn của chúng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kể tên một số con vật và thức ăn của chúng</li></ul> <p><b>Cách tiến hành:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Y/c nhóm trưởng báo cáo kết quả sưu tầm tranh ảnh.</li><li>- Các em thảo luận nhóm 4 phân loại tranh ảnh (nói tên con vật) theo thức ăn của chúng ( Phát giấy khổ to cho các nhóm phân loại ) .Nhóm ăn thịt</li><li>- Nhận xét tuyên dương nhóm sưu tầm nhiều tranh ảnh và nêu được tên nhiều con vật.</li><li>-Hãy nói tên, loại thức ăn của từng con vật trong các hình minh hoạ trong sgk.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Động vật cần có đủ không khí, thức ăn, nước uống và ánh sáng thì mới tồn tại, phát triển bình thường.</li><li>- Lá cây, cỏ, thịt con vật khác, hạt dẻ, kiến, sâu....</li><li>- Lắng nghe</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm trưởng báo cáo</li><li>- Đại diện 5 nhóm trình bày: Kể tên các con vật mà nhóm mình đã sưu tầm được theo nhóm thức ăn của chúng.<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nhóm ăn cỏ, lá cây</li><li>+ Nhóm ăn hạt</li><li>+ Nhóm ăn sâu bọ</li><li>+ Nhóm ăn tạp</li></ul></li><li>- HS tiếp nối nhau trình bày<ul style="list-style-type: none"><li>+ Hình 1: Con hươu, thức ăn của nó là lá cây</li><li>+ Hình 2: Con bò, thức ăn của nó là cỏ, lá</li></ul></li></ul> |